

Số: 240 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án
“**Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị sinh thái Hồng Hạc –
Xuân Lâm, huyện Thuận Thành**”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án “**Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị sinh thái Hồng Hạc – Xuân Lâm, huyện Thuận Thành**” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần đầu tư công đoàn ngân hàng Công Thương (sau đây gọi là chủ Dự án) thực hiện tại Xã Xuân Lâm, xã Ngũ Thái và xã Song Liễu, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu nêu tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 106/QĐ-TNMT ngày 29/10/2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bắc Ninh; UBND huyện Thuận Thành; Công ty Cổ phần đầu tư công đoàn ngân hàng Công Thương và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu hồ sơ);
- VP UBND tỉnh: CVP, NN.TN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Quang Khải
Đào Quang Khải

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ SINH THÁI HỒNG HẠC - XUÂN LÂM, HUYỆN THUẬN THÀNH

(Kèm theo Quyết định số: 240/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

1. Thông tin về dự án

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị sinh thái Hồng Hạc - Xuân Lâm, huyện Thuận Thành.

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần đầu tư công đoàn ngân hàng Công Thương.

- Địa điểm thực hiện dự án: xã Xuân Lâm, xã Ngũ Thái và xã Song Liễu, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

- Quy mô, công suất:

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị sinh thái trên diện tích 197,8 ha với quy mô dân số khoảng 27.700 người.

- Quy trình thực hiện dự án:

Chuẩn bị mặt bằng → Thi công xây dựng cơ sở hạ tầng → Bán, cho thuê các hạng mục được quy hoạch → Đơn vị kinh doanh, hộ gia đình sử dụng.

- Cơ cấu sử dụng đất của Dự án:

+ Đất ở với diện tích 694.880,29 m²;

+ Đất trung tâm công cộng và thương mại dịch vụ, hỗn hợp với diện tích 272.494,2 m²;

+ Đất cây xanh, thể dục thể thao, mặt nước với diện tích 388.287,36 m²;

+ Đất hạ tầng kỹ thuật với diện tích 3.618,63 m²;

+ Đất giao thông và bãi đỗ xe với diện tích 619.007,68 m².

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Tác động của nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt;

- Tác động của chất thải rắn:

+ Chất thải rắn sinh hoạt;

+ Chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh khoảng 7.447 m³/ngày đêm.

2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 13.850 kg/ngày.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải 450 kg/năm; Pin, ắc quy chì thải 390 kg/năm; Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại 2.460 kg/năm; Bao bì mềm thải 1.500 kg/năm; Bao bì cứng thải kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn 1.530 kg/năm; Bao bì cứng thải bằng nhựa 2.100 kg/năm; Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại 870 kg/năm; Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH) 300 kg/năm; Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) 180 kg/năm; Máy biến thế và tụ điện thải có PCB 300 kg/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 7.500 m³/ngày đêm (chia 02 giai đoạn, công suất mỗi giai đoạn 3.750 m³/ngày đêm) công nghệ xử lý bằng phương pháp sinh học.

Quy trình xử lý:

Nước thải sinh hoạt (qua xử lý sơ bộ) → Bể điều hòa → Bể xử lý sinh học kỵ khí và thiếu khí → Bể xử lý sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải đầu ra.

Thông số kỹ thuật của mỗi hệ thống xử lý công suất 3.750 m³/ngày đêm:

- Bể điều hòa: 1.316,25 m³.
- Bể xử lý sinh học kỵ khí và thiếu khí:
 - + Bể kỵ khí: 517,5 m³.
 - + Bể thiếu khí: 1.242 m³.
- Bể xử lý sinh học hiếu khí: 2.225,25 m³.
- Bể lắng: 1.056 m³.
- Bể khử trùng: 85,9 m³.
- Bể chứa bùn: 441 m².

Điểm xả thải: Hệ thống thu gom nước thải tập trung của khu vực.

Tiêu chuẩn, Quy chuẩn so sánh: Đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A với k=1.

3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom, phân loại, lưu giữ tại khu trung chuyển với diện tích 500m²;

Chuyển giao cho đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Được thu gom, phân loại, lưu giữ tại khu vực lưu giữ với diện tích 50m²;

Chuyển giao cho đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 7.500 m³/ngày đêm (chia 02 giai đoạn, công suất mỗi giai đoạn 3.750 m³/ngày đêm);
- 01 khu trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt;
- 01 khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Quan trắc nước thải giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Thực hiện theo Khoản 01, Điều 10 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5.2. Quan trắc nước thải giai đoạn vận hành thương mại:

- Vị trí quan trắc: 01 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý.

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, pH, BOD₅ (20⁰C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), photphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A với k=1.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

